



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**

A&C

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**



an independent member of
**BAKER TILLY
INTERNATIONAL**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 4
3. Báo cáo soát xét	5
4. Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2015	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015	13 - 43

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Cơ khí Lắp máy Sông Đà theo Quyết định số 2125/QĐ-BXD ngày 15 tháng 11 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5400240573 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 15 tháng 5 năm 2007.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 18 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do bổ sung ngành nghề kinh doanh, tăng vốn điều lệ và đổi tên Công ty. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 18 ngày 20 tháng 5 năm 2015 do đổi tên thành Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
Điện thoại : (84-4) 3783 2398
Fax : (84-4) 3783 2397
Website : <http://www.someco.com.vn>
E-mail : Info@someco.com.vn
Mã số thuế : 5 4 0 0 2 4 0 5 7 3

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Lắp đặt hệ thống điện;
- Sản xuất khác chưa phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất công nghiệp và quản lý vận hành trong các lĩnh vực: cơ khí, điện, điện tử, thông tin viễn thông và sản xuất năng lượng điện;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt máy, thiết bị công nghệ; Lắp đặt, thí nghiệm hiệu chỉnh, nghiệm thu thiết bị, đường dây của hệ thống thông tin, hệ thống SCADA, hệ thống điện tử phân tán (DCS) và các hệ thống khác trong lĩnh vực ứng dụng công nghệ thông tin (SCADA, EMS, DMS, RTU);
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh bất động sản;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi và thủy điện (giám sát lắp đặt thiết bị, thiết bị công nghệ cơ khí công trình); Tư vấn, đầu tư, lập và thực hiện các dự án xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi, công trình dân dụng và công nghiệp; Hoạt động kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan bao gồm: dịch vụ thiết kế kết cấu; thiết kế các hệ thống kỹ thuật liên quan đến công trình; dịch vụ tư vấn thiết kế khác;
- Sửa chữa thiết bị điện. Chi tiết: Vận hành, sửa chữa trang thiết bị hệ thống điện nhà máy, đường dây và trạm biến áp;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác khoáng sản (trừ khoáng sản Nhà nước cấm);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp đường dây và trạm biến thế đến 500KV);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng (không bao gồm kinh doanh phòng hát karaoke, vũ trường, quán bar);

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu các sản phẩm Công ty kinh doanh;
 - Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, thiết bị nội thất; Mua bán vật liệu xây dựng, đồ ngũ kim, thiết bị cấp nước trong nhà, thiết bị nhiệt và phụ tùng thay thế;
 - Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm tra khuyết tật kim loại;
 - Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách, hàng hóa đường bộ;
 - Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn chuyên ngành kỹ thuật điện cho quản lý xây dựng nhà máy điện, hệ thống điện - điện tử và tự động hóa, bao gồm cả công tác đồng bộ thiết kế, đồng bộ thiết bị, lập hồ sơ khởi động và thử đồng bộ thiết bị cho các nhà máy điện, trạm biến áp các dây truyền công nghệ công nghiệp; Thí nghiệm, hiệu chỉnh, vận hành liên động, vận hành thử đồng bộ hệ thống máy móc thiết bị công nghệ; Thí nghiệm, hiệu chỉnh đưa vào vận hành, thí nghiệm hiệu chỉnh định kỳ các hệ thống điện nhà máy, đường dây và trạm biến áp;
 - Đúc sắt, thép. Chi tiết: Đúc sắt thép, kim loại màu;
 - Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác. Chi tiết: Bảo dưỡng, sửa chữa xe có động cơ;
 - Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng;
 - Bán buôn đồ dung khác cho gia đình. Chi tiết: Sản xuất, mua bán khí ôxy;
 - Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ bất động sản;
- (Đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ hoạt động kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)/.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Nguyễn Bạch Dương	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2014
Ông Kim Mạnh Hà	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Thanh Sơn	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2011
Ông Phạm Văn Thường	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2011
Ông Phạm Đức Trọng	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 30 tháng 6 năm 2013
Eà Quang Thị Kim Dung	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27 tháng 4 năm 2015

Ban kiểm soát

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm</u>
Ông Vũ Đức Quang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2011
Ông Lê Văn Lâm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2011
Ông Nguyễn Văn Trường	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 17 tháng 5 năm 2014

Ban Tổng Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Trần Thanh Sơn	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2010
Ông Nguyễn Đức Doanh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 02 năm 2006
Ông Phạm Văn Thường	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 02 năm 2006
Ông Phạm Đức Trọng	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 3 năm 2013

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Thanh Sơn (bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2010).

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Trần Thanh Sơn (bổ nhiệm ngày 10 tháng 4 năm 2010).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Nhóm công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Nhóm công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Nhóm công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Nhóm công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Sơn

Ngày 26 tháng 8 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 389 /2015/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2015
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 của Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm, được lập ngày 26 tháng 8 năm 2015, từ trang 06 đến trang 43 kèm theo.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Phạm Quang Huy - Phó Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

Lê Văn Khoa - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1794-2013-008-1

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		632.331.347.464	625.813.761.306
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110	V.1	14.093.375.536	23.049.984.017
1. Tiền		111		14.093.375.536	23.049.984.017
2. Các khoản tương đương tiền		112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		120	V.2a	4.420.000.000	4.420.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh		121		10.277.200.000	10.277.200.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		122		(5.857.200.000)	(5.857.200.000)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		393.735.588.730	412.406.902.873
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.3	287.396.916.258	337.548.490.973
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.4	45.613.204.422	10.541.170.208
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn		133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng		134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn		135	V.5	34.999.850.000	34.988.758.214
6. Phải thu ngắn hạn khác		136	V.6	29.272.901.931	32.875.767.359
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		137	V.7	(3.547.283.881)	(3.547.283.881)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý		139		-	-
IV. Hàng tồn kho		140		201.648.829.383	170.113.300.270
1. Hàng tồn kho		141	V.8	201.648.829.383	170.113.300.270
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác		150		18.433.553.815	15.823.574.146
1. Chi phí trả trước ngắn hạn		151	V.9a	146.813.332	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		152		18.286.740.483	15.823.574.146
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác		155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		117.682.497.750	121.480.828.188
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		72.000.000	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216		72.000.000	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		24.629.490.705	28.781.730.424
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	23.009.490.705	27.161.730.424
	<i>Nguyên giá</i>	222		121.983.410.887	121.949.774.523
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(98.973.920.182)	(94.788.044.099)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.11	1.620.000.000	1.620.000.000
	<i>Nguyên giá</i>	228		2.120.000.000	2.120.000.000
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(500.000.000)	(500.000.000)
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
	<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		736.992.174	736.992.174
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	736.992.174	736.992.174
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	84.360.034.688	83.955.153.161
1.	Đầu tư vào công ty con	251		92.359.021.285	90.342.142.141
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.150.000.000	1.150.000.000
4.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(9.148.986.597)	(7.536.988.980)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		7.883.980.183	8.006.952.429
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9a	7.883.980.183	8.006.952.429
2.	Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		750.013.845.214	747.294.589.494

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		603.415.421.401	601.948.959.910
I. Nợ ngắn hạn	310		603.377.961.401	596.021.721.716
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	106.870.175.027	118.297.822.094
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	144.247.469.188	133.224.332.728
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	63.105.170.768	62.868.124.510
4. Phải trả người lao động	314		9.174.735.955	10.257.085.043
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	19.373.588.040	19.346.540.323
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	68.818.855.605	67.645.322.292
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18	188.946.744.879	181.810.318.080
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	2.841.221.939	2.572.176.646
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		37.460.000	5.927.238.194
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		37.460.000	37.460.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.20	-	5.889.778.194
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

HẠN
VĂN
HÀ

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		146.598.423.813	145.345.629.584
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21a	146.598.423.813	145.345.629.584
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		77.350.000.000	77.350.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		77.350.000.000	77.350.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		11.927.177.227	11.927.177.227
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		42.056.716.460	41.453.948.521
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		15.264.530.126	14.614.503.836
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13.609.890.604	14.614.503.836
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.654.639.522	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		750.013.845.214	747.294.589.494

Người lập biểu



Mai Thị Na

Kế toán trưởng



Đàm Trung Kiên

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Đơn đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	109.241.097.604	79.228.203.352
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	88.175.470	3.058.925.450
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		109.152.922.134	76.169.277.902
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	90.446.065.762	54.884.870.989
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		18.706.856.372	21.284.406.913
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.467.663.801	2.399.576.544
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	10.727.022.149	12.331.083.633
Trong đó: chi phí lãi vay	23		9.115.024.532	11.199.527.341
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	12.016.738.004	10.136.642.823
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.569.239.980)	1.216.257.001
11. Thu nhập khác	31	VI.7	5.889.823.538	1.578.140.992
12. Chi phí khác	32	VI.8	954.585.573	1.268.449.079
13. Lợi nhuận khác	40		4.935.237.965	309.691.913
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.365.997.985	1.525.948.914
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	711.358.463	652.068.779
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		1.654.639.522	873.880.135
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	-	-

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





Trần Thanh Sơn

Mai Thị Na

Đàm Trung Kiên

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2,365,997,985	1,525,948,914
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9	4,185,876,083	4,095,573,239
- Các khoản dự phòng	03		(4,277,780,577)	1,127,214,762
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.4	(1,342,382,054)	(2,375,767,730)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	9,115,024,532	11,199,527,341
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		10,046,735,969	15,572,496,526
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		16,136,147,806	(88,349,052,356)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(31,535,529,113)	(60,920,359,387)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(1,560,590,870)	137,156,984,235
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(23,841,086)	244,302,345
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(9,115,024,532)	(8,868,017,785)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	800,000,000	(500,000,000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(132,800,000)	(30,006,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(15,384,901,826)	(5,693,652,422)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(33,636,364)	(127,000,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(2,016,879,144)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1,342,382,054	2,375,767,730
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(708,133,454)	2,248,767,730

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ - LẬP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15 khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	128,625,157,730	77,134,545,377
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(121,488,730,931)	(73,787,609,841)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(6,563,645)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	7,136,426,799	3,340,371,891
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(8,956,608,481)	(104,512,801)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60 V.1	23,049,984,017	2,550,673,355
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70 V.1	14,093,375,536	2,446,160,554

Người lập biểu



Mai Thị Na

Kế toán trưởng



Đàm Trung Kiên

Lập, ngày 26 tháng 8 năm 2015

Tổng Giám đốc



Trần Thanh Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

EÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cơ khí – Lắp máy Sông Đà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là Xây lắp, gia công và lắp đặt công trình cơ khí.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Chế tạo, lắp đặt các thiết bị cho các công trình xây dựng; Đúc sắt thép, kim loại màu; Xây dựng công trình kỹ thuật (công nghiệp, đường dây và trạm biến thế đến 500KV); Sản xuất, mua bán khí oxy; Hoạt động về kiến trúc, tư vấn về công nghệ và kỹ thuật có liên quan; Đầu tư xây dựng các công trình thủy điện vừa và nhỏ và các loại hình sản xuất, kinh doanh điện khác.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp theo đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Bản Đồng Mác, xã Quý Hòa, huyện Bình Gia, tỉnh Lạng Sơn	Khai thác đá, cát, sỏi và đầu tư xây dựng thủy điện	56%	69,14%	69,14%
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Thôn Nậm Choong, xã Quảng Nguyên, huyện Xín Mần, tỉnh Hà Giang	Đầu tư xây dựng thủy điện Nậm Ly 1	60%	90,54%	90,54%
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco	Phòng 1004, Tầng 10, CT4, Khu Đô thị mới Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội	Thiết kế cơ khí công trình thủy điện, thủy lợi	100%	100%	100%
Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco	C40-TT6 khu đô thị Văn Quán, Yên Phúc, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Thí nghiệm hiệu chỉnh hệ thống điện nhà máy; Thi công, xây lắp các công trình hệ thống điện, nhà máy đường dây và trạm biến áp	100%	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tại Miền Bắc	Đường Lê Thánh Tông, phường Hữu Nghị, thành phố Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tại miền Trung	Số 61, đường Nguyễn Văn Cừ, phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng
Chi nhánh Công ty Cổ phần Someco Sông Đà tại Quảng Ninh	Huyện Hoành Bồ, tỉnh Quảng Ninh

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh do vậy các số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 so sánh được với số liệu tương ứng cùng kỳ năm trước.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 689 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 657 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Thông tư này có hiệu lực áp dụng cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Thông tư này và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo qui định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM là giá đóng cửa tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Trường hợp tại ngày kết thúc kỳ kế toán thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Giá gốc nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh (SXKD) dở dang cuối kỳ được xác định cho từng công trình (CT), hạng mục công trình (HMCT) như sau:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD} \\ \text{dở dang} \\ \text{cuối kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} = \frac{\begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD dở dang} \\ \text{đầu kỳ (CT, HMCT)} \\ \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí SXKD phát sinh} \\ \text{trong kỳ (CT, HMCT)} \\ \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{thực hiện trong kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}}{\begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{dở dang đầu kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Giá trị sản lượng} \\ \text{thực hiện trong kỳ} \\ \text{(CT, HMCT)} \end{array}} \times \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{sản lượng dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \\ \text{(CT,} \\ \text{HMCT)} \end{array}$$

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 12 tháng.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê (50 năm).

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 06
Máy móc và thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Giá trị thương hiệu Sông Đà

Giá trị thương hiệu Sông Đà được xác định bằng 5% vốn điều lệ của Công ty theo Quyết định số 294TC/HDQT ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Sông Đà khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Giá trị thương hiệu Sông Đà được khấu hao trong thời gian 05 năm và đã khấu hao hết.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ,

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.

- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

11. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng phải trả của Công ty là dự phòng bảo hành công trình xây dựng.

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 3% trên doanh thu công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho chủ sở hữu sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

15. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

16. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu là giảm giá hàng bán phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh giảm giá hàng bán thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của kỳ sau.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

22. Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm có các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác và các công cụ tài chính phái sinh.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	520.640.650	2.504.156.021
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.572.734.886	20.545.827.996
Cộng	<u>14.093.375.536</u>	<u>23.049.984.017</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Chứng khoán kinh doanh

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Cổ phiếu	10.277.200.000	4.420.000.000	(5.857.200.000)	10.277.200.000	4.420.000.000	(5.857.200.000)
Công ty Cổ phần Thủy Điện Sông Đà Hoàng Liên	5.857.200.000		(5.857.200.000)	5.857.200.000		(5.857.200.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Điện Tây Bắc	3.570.000.000	3.570.000.000		3.570.000.000	3.570.000.000	
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà	850.000.000	850.000.000		850.000.000	850.000.000	
Cộng	10.277.200.000	4.420.000.000	(5.857.200.000)	10.277.200.000	4.420.000.000	(5.857.200.000)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	(5.857.200.000)	(3.891.689.545)
Trích lập dự phòng bổ sung		(1.650.544.393)
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	(5.857.200.000)	(5.542.233.938)

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	92.359.021.285	(9.148.986.597)	83.210.034.688	90.342.142.141	(7.536.988.980)	82.805.153.161
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco I ⁽ⁱ⁾	40.002.000.659		40.002.000.659	39.752.465.515		39.752.465.515
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang ⁽ⁱⁱ⁾	42.357.020.626		42.357.020.626	40.589.676.626		40.589.676.626
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco ⁽ⁱⁱⁱ⁾	5.000.000.000	(4.148.986.597)	851.013.403	5.000.000.000	(4.035.531.286)	964.468.714
Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco ^(iv)	5.000.000.000	(5.000.000.000)		5.000.000.000	(3.501.457.694)	1.498.542.306
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	1.150.000.000		1.150.000.000	1.150.000.000		1.150.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7 - khoản ủy thác đầu tư của cán bộ công nhân viên	1.150.000.000		1.150.000.000	1.150.000.000		1.150.000.000
Cộng	93.509.021.285	(9.148.986.597)	84.360.034.688	91.492.142.141	(7.536.988.980)	83.955.153.161

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty Cổ phần số 4900262326 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 02 tháng 11 năm 2007, thay đổi lần thứ nhất ngày 18 tháng 9 năm 2009, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 là 52.640.000.000 VND, tương đương 56% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã đầu tư thêm 249.535.144 VND. Đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã đầu tư 40.002.000.659 VND, tương đương 69,14 % vốn điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 là 12.637.999.341 VND.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần số 5100199853 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Giang cấp lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2006, thay đổi lần thứ 4 ngày 02 tháng 11 năm 2012, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Someco Hà Giang 35.160.000.000 VND, tương đương 60% vốn điều lệ. Trong kỳ, Công ty đã đầu tư thêm 1.767.344.000 VND. Đến thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã đầu tư 42.357.020.626 VND, tương đương 90,54% vốn điều lệ thực góp của Công ty Cổ phần Someco Hà Giang.
- (iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Một thành viên số 0104835162 ngày 05 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã đầu tư đủ 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ vào Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco.
- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty TNHH Một thành viên số 0104755407 ngày 15 tháng 6 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại thời điểm 30 tháng 6 năm 2015, Công ty đã đầu tư đủ 5.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ vào Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco.

Tình hình hoạt động của các công ty con

Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng công trình thủy điện Bắc Giang, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Công ty Cổ phần Someco Hà Giang hiện đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng công trình thủy điện Nậm Ly 1, chưa đi vào hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty con khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	(7.536.988.980)	(7.653.041.204)
Trích lập dự phòng bổ sung	(1.611.997.617)	
Hoàn nhập dự phòng		523.329.631
Số cuối kỳ	<u>(9.148.986.597)</u>	<u>(7.129.711.573)</u>

Giao dịch với các công ty con

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1</i>		
Góp vốn vào Công ty con	249.535.144	
<i>Công ty Cổ phần Someco Hà Giang</i>		
Doanh thu xây lắp Công ty mẹ cung cấp cho Công ty con	1.290.929.633	

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Góp vốn vào Công ty con	1.767.344.000	1.443.268.089
<i>Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco</i>		
Doanh thu xây lắp Công ty con thực hiện	1.325.163.336	5.683.677.075
Phí dịch vụ thu của Công ty con	39.010.815	262.709.027
Lãi vay phải thu công ty con	23.620.819	373.047.655
<i>Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco</i>		
Doanh thu xây lắp Công ty con thực hiện		7.441.357.496
Phí dịch vụ thu của Công ty con	1.670.448	188.049.721
Lãi vay phải thu công ty con	1.318.761.235	2.002.720.075
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	184.377.382.021	186.986.505.221
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	1.190.032.025	1.190.032.025
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	208.492.798	4.203.985.397
Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco	153.222.955	153.222.955
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên	60.472.884.465	61.972.884.465
Tổng Công ty Sông Đà	122.352.749.778	119.466.380.379
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	103.019.534.237	150.561.985.752
Công ty Cổ phần Điện Vietracimex Lào Cai	5.158.362.013	7.158.362.013
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc	15.373.054.298	34.473.054.298
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên Sông Đà 7	18.055.220.167	19.909.114.508
Công ty Cổ phần Thủy điện Đăckring	17.056.257.748	29.504.812.729
Đối tượng khác	47.376.640.011	59.516.642.204
Cộng	287.396.916.258	337.548.490.973
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	14.389.605.205	6.016.755.393
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco	5.440.546.316	5.657.555.393
Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco	8.949.058.889	359.200.000
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	31.223.599.217	4.524.414.815
Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng - CTCP	7.267.546.372	
Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị thủy lực	4.062.420.000	
Công ty Cổ phần Cơ khí Hồng Nam	6.298.363.421	
Các nhà cung cấp khác	13.595.269.424	4.524.414.815
Cộng	45.613.204.422	10.541.170.208

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	32.499.850.000	32.488.758.214
Công ty TNHH MTC Tư vấn thiết kế Someco - Thu vốn lưu động	494.532.993	494.532.993
Công ty TNHH MTV Tư vấn Kỹ thuật Công nghệ Someco - Thu vốn lưu động	31.675.277.549	31.664.185.763
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang - Thu vốn lưu động	182.707.000	182.707.000
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1 - Thu vốn lưu động	147.332.458	147.332.458
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	2.500.000.000	2.500.000.000
Cho Công ty Đầu tư Xây dựng và Phát triển năng lượng Phúc Khánh mượn	2.500.000.000	2.500.000.000
Cộng	34.999.850.000	34.988.758.214

6. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>				
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	29.272.901.931	(3.547.283.881)	32.875.767.359	(3.547.283.881)
Tạm ứng	19.323.480.628		13.402.888.824	
Cầm cố hợp đồng tiền gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hòa Bình			10.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển điện Tây Bắc – Thu lãi vay	6.143.301.295	(3.547.283.881)	6.143.301.295	(3.547.283.881)
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.806.120.008		3.329.577.240	
Cộng	29.272.901.931	(3.547.283.881)	32.875.767.359	(3.547.283.881)

7. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Các tổ chức và cá nhân khác</i>	6.143.301.295	2.596.017.414	6.143.301.295	2.596.017.414
Công ty Cổ Phần đầu tư và Phát Triển điện Tây Bắc				
<i>Phải thu lãi vay</i>	2.378.166.168	713.449.850	2.378.166.168	713.449.850
<i>Phải thu lãi vay</i>	3.765.135.127	1.882.567.564	3.765.135.127	1.882.567.564
Cộng	6.143.301.295	2.596.017.414	6.143.301.295	2.596.017.414

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng cho vay khó đòi như sau:

	<u>Nợ cho vay ngắn hạn</u>
Số đầu năm	3.547.283.881
Trích lập dự phòng bổ sung	
Hoàn nhập dự phòng	
Số cuối kỳ	3.547.283.881

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	15.881.528.784		23.338.471.816	
Công cụ, dụng cụ	630.179.440		637.361.393	
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	185.137.121.159		146.137.467.061	
Cộng	201.648.829.383		170.113.300.270	

9. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Là chi phí sửa chữa xe ô tô.

9b. Chi phí trả trước dài hạn

Là chi phí thuê đất.

10. Tài sản cố định hữu hình

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá					
Số đầu năm	18.620.728.929	70.347.029.857	30.719.089.531	2.262.926.206	121.949.774.523
Mua trong kỳ		33.636.364			33.636.364
Phân loại lại		(297.960.000)	297.960.000		
Số cuối kỳ	18.620.728.929	70.082.706.221	31.017.049.531	2.262.926.206	121.983.410.887
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.876.268.493	26.324.106.715	21.371.061.711	282.018.572	53.853.455.491
Chờ thanh lý					
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.121.635.184	54.878.135.390	28.058.099.925	1.730.173.600	94.788.044.099
Khấu hao trong kỳ	708.025.578	2.670.329.953	511.803.850	295.716.702	4.185.876.083
Phân loại lại	710.468.355	(1.751.015.064)	1.040.546.709		
Số cuối kỳ	11.540.129.117	55.797.450.279	29.610.450.484	2.025.890.302	98.973.920.182
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	8.499.093.745	15.468.894.467	2.660.989.606	532.752.606	27.161.730.424
Số cuối kỳ	7.080.599.812	14.285.255.942	1.406.599.047	237.035.904	23.009.490.705

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Nhà cửa, vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</u>	<u>Thiết bị, dụng cụ quản lý</u>	<u>Cộng</u>
<i>Trong đó:</i>					
Tạm thời chưa sử dụng					
Đang chờ thanh lý	926.965.000	7.817.979.067	1.798.717.309	139.460.281	10.683.121.657

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 16.826.807.359 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hòa Bình.

11. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử dụng đất</u>	<u>Chương trình phần mềm</u>	<u>Cộng</u>
Nguyên giá			
Số đầu năm	1.620.000.000	500.000.000	2.120.000.000
Tăng trong kỳ			
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	1.620.000.000	500.000.000	2.120.000.000
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		500.000.000	500.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		500.000.000	500.000.000
Khấu hao trong kỳ			
Số cuối kỳ		500.000.000	500.000.000
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.620.000.000		1.620.000.000
Số cuối kỳ	1.620.000.000		1.620.000.000

Trong đó:

Tạm thời không sử dụng

Đang chờ thanh lý

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Là chi phí mua máy tiện khớp nhiệt.

13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	18.524.017.866	17.212.929.074
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	182.707.000	
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco	1.637.522.825	1.861.704.336
Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco	16.470.760.289	14.793.137.210

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty Sông Đà	233.027.752	558.087.528
Phải trả các nhà cung cấp khác	88.346.157.161	101.084.893.020
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Hoàng Đạt	17.494.063.355	41.841.873.706
Các nhà cung cấp khác	70.852.093.806	59.243.019.314
Cộng	106.870.175.027	118.297.822.094

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước của các bên liên quan	98.821.343.794	78.150.237.426
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	5.469.621.062	5.469.621.062
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	7.836.239.528	1.958.520.528
Tổng Công ty Sông Đà	85.515.483.204	70.722.095.836
Trả trước của các khách hàng khác	45.426.125.394	55.074.095.302
Công ty Cổ phần Tư vấn điện 1	22.168.576.074	22.802.478.862
Các khách hàng khác	23.257.549.320	32.271.616.440
Cộng	144.247.469.188	133.224.332.728

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã thực nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	45.000.063.126	946.421.127	(943.155.404)	45.003.328.849
Thuế thu nhập doanh nghiệp	13.595.662.708	711.358.463	(800.000.000)	13.507.021.171
Thuế thu nhập cá nhân	868.812.737	99.590.872		968.403.609
Thuế nhà đất	3.371.333.220	526.831.200	(304.000.000)	3.594.164.420
Các loại thuế khác		5.000.000	(5.000.000)	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	32.252.719			32.252.719
Cộng	62.868.124.510	2.289.201.662	(2.052.155.404)	63.105.170.768

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Hoạt động xây lắp, kinh doanh điện nước và dịch vụ khác	5-10%
Bán vật tư, thiết bị	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này</u>	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.365.997.985	1.525.948.914
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	867.449.573	792.232.226
- Các khoản điều chỉnh tăng	867.449.573	792.232.226

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu		782.410.226
Chi phí lãi chậm trả tiền BHXH	837.249.573	
Thù lao hội đồng quản trị không tham gia điều hành	25.200.000	
Tiền nộp phạt vi phạm hành chính	5.000.000	9.822.000
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	3.233.447.558	2.318.181.140
Thu nhập được miễn thuế		
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	3.233.447.558	2.318.181.140
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	711.358.463	509.999.851
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước		142.068.928
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	711.358.463	652.068.779

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của nhóm Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	1.452.605.936	3.680.483.945
Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco - chi phí lắp đặt, chi phí bảo hành	1.323.750.395	3.551.628.404
Công ty TNHH Tư vấn thiết kế Someco - chi phí thi công công trình Yatansen	14.921.205	14.921.205
Tập Đoàn Sông Đà	113.934.336	113.934.336
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	17.920.982.104	15.666.056.378
Công ty Cổ phần Cơ khí chính xác Vinashin	2.929.266.674	2.929.266.674
Công ty TNHH Cơ khí Tân Hoàng Long - tiền thi công	2.326.176.872	3.269.615.906
Công ty TNHH Vạn Tâm Thành	2.083.033.787	
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	10.582.504.771	9.467.173.798
Cộng	19.373.588.040	19.346.540.323

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**17. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	27.507.378.177	26.640.572.630
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	4.500.000	4.500.000
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco	1.677.459.170	1.980.728.561
Tổng công ty Sông Đà	25.825.419.007	24.655.344.069
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	41.311.477.428	41.004.749.662
Kinh phí công đoàn	2.176.970.189	2.604.077.519
Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp	21.460.869.228	20.080.950.544
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	8.870.586.295	8.870.586.295
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	8.803.051.716	9.449.135.304
Cộng	<u>68.818.855.605</u>	<u>67.645.322.292</u>

18. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	34.314.984.571	34.314.984.571	34.314.984.571	34.314.984.571
Tổng Công ty Sông Đà	34.314.984.571	34.314.984.571	34.314.984.571	34.314.984.571
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	154.631.760.308	154.631.760.308	147.495.333.509	147.495.333.509
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hoà Bình ⁽ⁱ⁾	142.822.290.095	142.822.290.095	147.264.708.509	147.264.708.509
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn – Chi nhánh Hồng Hà ⁽ⁱⁱ⁾	11.809.470.213	11.809.470.213		
Vay dài hạn đến hạn trả			230.625.000	230.625.000
Cộng	<u>188.946.744.879</u>	<u>188.946.744.879</u>	<u>181.810.318.080</u>	<u>181.810.318.080</u>

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam- Chi nhánh Hòa Bình theo hợp đồng số 02/2014/645305/HĐTD ngày 19 tháng 12 năm 2014, mục đích để bổ sung vốn lưu động kinh doanh với lãi suất cho vay kỳ đầu tiên là 9,5 %/năm, thời hạn vay là 04 tháng kể từ ngày hợp đồng này có hiệu lực.

(ii) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hồng Hà, mục đích vay vốn để bổ sung nhu cầu vốn lưu động thực hiện phương án sản xuất kinh doanh năm 2015 với lãi suất hiện tại là 10%/năm, thời gian hiệu lực của hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày 10 tháng 06 năm 2015. Khoản vay này không có bảo đảm bằng tài sản.

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong kỳ</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan				
Tổng Công ty Sông Đà	34.314.984.571			34.314.984.571
Vay ngắn hạn ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hoà Bình	147.264.708.509	116.548.014.517	120.990.432.931	142.822.290.095
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chi nhánh Hồng Hà		12.077.143.213	267.673.000	11.809.470.213
Vay dài hạn đến hạn trả	230.625.000		230.625.000	
Cộng	181.810.318.080	128.625.157.730	121.488.730.931	188.946.744.879

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	754.658.825	200.922.647	(32.000.000)	923.581.472
Quỹ phúc lợi	1.817.517.821	200.922.646	(100.800.000)	1.917.640.467
Cộng	2.572.176.646	401.845.293	(132.800.000)	2.841.221.939

20. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến dự phòng bảo hành thủy điện Nậm Chiến. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	5.889.778.194	7.651.064.810
Tăng do trích lập		2.581.237.211
Tăng do sáp nhập		13.084.555.352
Số hoàn nhập	(5.889.778.194)	(6.498.054.777)
Số cuối kỳ		16.818.802.596

21. Vốn chủ sở hữu**21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	<u>Vốn góp của chủ sở hữu</u>	<u>Thặng dư vốn cổ phần</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>	<u>Cộng</u>
<i>Kỳ trước</i>					
Số đầu năm trước	70.000.000.000	11.927.177.227	35.082.130.503	7.784.535.630	124.793.843.360
Tăng do sáp nhập	7.350.000.000		6.085.082.899	3.289.407.143	16.724.490.042
Lợi nhuận cùng kỳ năm trước				873.880.135	873.880.135
Trích lập các quỹ			286.735.119	(477.891.865)	(191.156.746)
Số dư cuối kỳ trước	77.350.000.000	11.927.177.227	41.453.948.521	11.469.931.043	142.201.056.791

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Kỳ này					
Số đầu năm nay	77.350.000.000	11.927.177.227	41.453.948.521	14.614.503.836	145.345.629.584
Lợi nhuận kỳ này				1.654.639.522	1.654.639.522
Trích lập các quỹ			602.767.939	(1.004.613.232)	(401.845.293)
Số dư cuối kỳ này	77.350.000.000	11.927.177.227	42.056.716.460	15.264.530.126	146.598.423.813

Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của Nhà nước	35.700.000.000	35.700.000.000
Vốn góp của các cổ đông	41.650.000.000	41.650.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	11.927.177.227	11.927.177.227
Cộng	89.277.177.227	89.277.177.227

21b. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	7.735.000	7.735.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	7.735.000	7.735.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.735.000	7.735.000
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- Cổ phiếu phổ thông		
- Cổ phiếu ưu đãi		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	7.735.000	7.735.000
- Cổ phiếu phổ thông	7.735.000	7.735.000
- Cổ phiếu ưu đãi		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

21c. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 số 04/NQ-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 4 năm 2015 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển	602.767.939
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	401.845.293

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**Ngoại tệ các loại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	930,01	194,45

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu hợp đồng xây dựng	105.530.180.483	78.777.444.604
Doanh thu bán hàng hóa và doanh thu khác	3.710.917.121	450.758.748
Cộng	109.241.097.604	79.228.203.352

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con được trình bày ở thuyết minh số V.2b. Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con như sau:

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Tổng Công ty Sông Đà</i>		
Doanh thu xây lắp thực hiện cho Tổng Công ty	21.047.560.271	1.522.971.264
Giảm giá công trình	88.175.470	

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

Là khoản giảm giá hàng bán.

3. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	87.503.974.631	54.884.870.989
Giá vốn bán hàng hóa và hoạt động khác	2.942.091.131	
Cộng	90.446.065.762	54.884.870.989

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	79.188.879	23.745.451
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	46.092.868	
Lãi tiền cho vay	1.342.382.054	2.375.767.730
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh		63.363
Cộng	1.467.663.801	2.399.576.544

5. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	9.115.024.532	11.199.527.341
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh		4.341.530
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.611.997.617	1.127.214.762
Cộng	10.727.022.149	12.331.083.633

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	7.073.906.281	5.081.512.063
Chi phí vật liệu quản lý	383.965.156	408.356.744
Chi phí đồ dùng văn phòng	92.929.118	202.477.273
Chi phí khấu hao tài sản cố định	351.014.602	509.282.197
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	8.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.830.735.854	1.803.218.404
Các chi phí khác	2.280.186.993	2.123.796.142
Cộng	12.016.738.004	10.136.642.823

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ bán hồ sơ thầu		9.090.910
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	5.889.778.194	1.388.405.139
Xử lý khoản nợ không phải trả		179.584.991
Thu nhập khác	45.344	1.059.952
Cộng	5.889.823.538	1.578.140.992

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu		782.410.226
Chi phí lãi chậm trả tiền BHXH	837.249.573	476.216.800
Phạt vi phạm hợp đồng	112.336.000	
Tiền nộp phạt vi phạm hành chính	5.000.000	9.822.000
Điều chỉnh công nợ nhỏ lẻ		53
Cộng	954.585.573	1.268.449.079

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Tiền thu từ đi vay**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	128.625.157.730	77.134.545.377

2. Tiền trả nợ gốc vay

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	121.488.730.931	73.787.609.841

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Giao dịch khác trong kỳ chỉ có giao dịch về tạm ứng cho các thành viên Ban điều hành với số tiền là 285.000.000 VND (cùng kỳ năm trước là 75.000.000 VND).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	294.926.861	323.913.535
Phụ cấp	50.400.000	99.263.636
Cộng	345.326.861	423.177.171

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Năng lượng Someco 1	Công ty con
Công ty Cổ phần Someco Hà Giang	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Tư vấn Thiết kế Someco	Công ty con
Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Công nghệ Someco	Công ty con
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà - Hoàng Liên	Công ty cùng chủ tịch Hội đồng quản trị

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2b. Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác không phải là công ty con như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Tổng Công ty Sông Đà</i>		
Lãi tiền vay vốn lưu động phải trả Tổng Công ty	2.224.208.835	2.331.509.556
Phí dịch vụ phải trả	207.617.548	
Chi phí xây lắp phải trả ban điều hành Dự án Thủy điện Xekaman 1	2.918.889.568	
Chi phí xây lắp phải trả ban điều hành Thủy điện Sơn La	1.860.022.954	

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá ký với chủ đầu tư cộng thêm 7% phụ phí. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ Công ty cung cấp.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực Xây lắp: Gia công, lắp đặt công trình cơ khí.
- Lĩnh vực khác: Nhượng bán vật tư, máy móc thiết bị phục vụ ngành gia công cơ khí cho các Chi nhánh và Công ty con, thu phụ phí của các Công ty con ...

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Xây lắp</u>	<u>Hoạt động khác</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	105.442.005.013	3.710.917.121	109.152.922.134
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	105.442.005.013	3.710.917.121	109.152.922.134
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	17.938.030.382	768.825.990	18.706.856.372
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(12.016.738.004)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			6.690.118.368
Doanh thu hoạt động tài chính			1.467.663.801
Chi phí tài chính			(10.727.022.149)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	Xây lắp	Hoạt động khác	Cộng
Thu nhập khác			5.889.823.538
Chi phí khác			(954.585.573)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(711.358.463)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			1.654.639.522
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	33.636.364		33.636.364
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.185.876.083		4.185.876.083
Kỳ trước			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	75.718.519.154	450.758.748	76.169.277.902
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	75.718.519.154	450.758.748	76.169.277.902
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	20.833.648.165	450.758.748	21.284.406.913
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận			(10.136.642.823)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			11.147.764.090
Doanh thu hoạt động tài chính			2.399.576.544
Chi phí tài chính			(12.331.083.633)
Thu nhập khác			1.578.140.992
Chi phí khác			(1.268.449.079)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			(652.068.779)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			873.880.135
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	555.160.911		555.160.911
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	4.481.800.417		4.481.800.417
Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:			
	Xây lắp	Hoạt động khác	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	661.233.810.526		661.233.810.526
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận		88.780.034.688	88.780.034.688
Tổng tài sản			750.013.845.214

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Xây lắp</u>	<u>Hoạt động khác</u>	<u>Cộng</u>
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	600.574.199.462		600.574.199.462
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			2.841.221.939
Tổng nợ phải trả			603.415.421.401
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	658.919.436.333		658.919.436.333
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			88.375.153.161
Tổng tài sản			747.294.589.494
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	599.376.783.264		599.376.783.264
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			2.572.176.646
Tổng nợ phải trả			601.948.959.910

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực Việt Nam, khu vực nước ngoài.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Trong nước	105.442.005.013
Ngoài nước	3.710.917.121
Cộng	109.152.922.134

3. Số liệu so sánh**3a. Áp dụng chế độ kế toán mới**

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo qui định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng chế độ kế toán mới

Việc áp dụng chế độ kế toán mới không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ. Ảnh hưởng của việc điều chỉnh các sai sót đến số liệu so sánh như sau:

	<u>Mã số</u>	<u>Số liệu trước điều chỉnh</u>	<u>Các điều chỉnh</u>	<u>Số liệu sau điều chỉnh</u>	<u>Ghi chú</u>
Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ					
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		34.988.758.214	34.988.758.214	(i)
Phải thu ngắn hạn khác	136	44.103.436.749	(11.227.669.390)	32.875.767.359	(ii)
Tài sản ngắn hạn khác	155	23.761.088.824	(23.761.088.824)		(iii)
Quỹ đầu tư phát triển	418	36.872.389.696	4.581.558.825	41.453.948.521	(iv)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẬP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

- (i) Phải thu về cho vay ngắn hạn
Tăng do điều chỉnh khoản cho vay vốn lưu động từ chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “Phải thu về cho vay ngắn hạn”.
- (ii) Phải thu ngắn hạn khác
Tăng do điều chỉnh khoản đặt cọc từ chỉ tiêu “ Tài sản ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “ Phải thu ngắn hạn khác”.
- (iii) Tài sản ngắn hạn khác
Giảm do điều chỉnh khoản đặt cọc từ chỉ tiêu “ Tài sản ngắn hạn khác” sang chỉ tiêu “ Phải thu ngắn hạn khác”.
- (iv) Quỹ đầu tư phát triển
Tăng do điều chỉnh số dư chỉ tiêu “Quỹ dự phòng tài chính” sang từ chỉ tiêu “ Quỹ đầu tư phát triển” .

4. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

4.1. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt.

Công ty có rủi ro tín dụng tập trung liên quan đến Tổng Công ty Sông Đà với số dư nợ tại ngày kết thúc kỳ kế toán chiếm 42,57% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm chiếm 35,39%) và Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Đà Hoàng Liên với số dư nợ tại ngày kết thúc kỳ kế toán chiếm 21,04% tổng số dư nợ phải thu (số đầu năm chiếm 18,36%). Các khách hàng khác có số dư dưới 7% tổng số dư nợ phải thu nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu của các khách hàng này là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các công ty con và các thành viên quản lý chủ chốt vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.093.375.536	23.049.984.017
Chứng khoán kinh doanh	10.277.200.000	10.277.200.000
Phải thu khách hàng	287.396.916.258	337.548.490.973
Các khoản cho vay	35.001.531.992	34.988.758.214
Các khoản phải thu khác	8.549.297.804	17.832.315.423
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.150.000.000	1.150.000.000
Cộng	356.468.321.590	424.846.748.627

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hoặc chưa bị giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	14.093.375.536		14.093.375.536
Chứng khoán kinh doanh	4.420.000.000	5.857.200.000	10.277.200.000
Phải thu khách hàng	287.396.916.258		287.396.916.258
Các khoản cho vay	35.001.531.992		35.001.531.992
Các khoản phải thu khác	2.405.996.509	6.143.301.295	8.549.297.804
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.150.000.000		1.150.000.000
Cộng	344.467.820.295	12.000.501.295	356.468.321.590

Số đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	23.049.984.017		23.049.984.017
Chứng khoán kinh doanh	4.420.000.000	5.857.200.000	10.277.200.000
Phải thu khách hàng	337.548.490.973		337.548.490.973
Các khoản cho vay	34.990.440.206		34.990.440.206
Các khoản phải thu khác	11.689.014.128	6.143.301.295	17.832.315.423
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	1.150.000.000		1.150.000.000
Cộng	412.847.929.324	12.000.501.295	424.848.430.619

4b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (không bao gồm lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Vay và nợ	188.946.744.879			188.946.744.879
Phải trả người bán	106.870.175.027			106.870.175.027
Các khoản phải trả khác	61.994.181.096	37.460.000		62.031.641.096
Cộng	357.811.101.002	37.460.000		357.848.561.002
Số đầu năm				
Vay và nợ	181.810.318.080			181.810.318.080
Phải trả người bán	118.297.822.094			118.297.822.094
Các khoản phải trả khác	47.422.625.550	37.460.000		47.460.085.550
Cộng	347.530.765.724	37.460.000		347.568.225.724

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

4c. *Rủi ro thị trường*

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 và ngày 30 tháng 6 năm 2015 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty cung cấp nguyên vật liệu và dịch vụ xây lắp sang Lào với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản trong đương tiền	930,01	194,45

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản cho vay	34.999.850.000	34.988.758.214
Vay và nợ	(188.946.744.879)	(181.810.318.080)
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần	(153.946.894.879)	(146.821.559.866)

CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ – LẮP MÁY SÔNG ĐÀ

Địa chỉ: Tầng 15, khu B, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, phường Mỹ Đình I, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2%/ 1 năm thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 1.200.785.780 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 1.164.708.167 VND).

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Nhóm công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán giảm giá đã trích lập dự phòng 100%, các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh còn lại không có thông tin về giảm giá.

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

4.1. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2015 và tại ngày 30 tháng 6 năm 2015.

5. Các Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

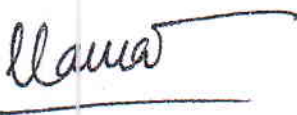
Nghị quyết hội đồng quản trị số 19 NQ/HĐQT ngày 02 tháng 7 năm 2015 thông qua việc chốt danh sách cổ đông chi trả cổ tức năm 2011, mức thanh toán cổ tức: 900 VND/ cổ phần, tổng số tiền thanh toán cổ tức: 6.961.500.000 VND. Ngày đăng ký cuối cùng để thanh toán cổ tức là ngày 20 tháng 7 năm 2015, dự kiến thanh toán cổ tức vào ngày 31 tháng 10 năm 2015.

Hà Nội, ngày 26 tháng 8 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Mai Thị Na

Đàm Trung Kiên

Trần Thanh Sơn